

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ  
VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Phụ lục V

Số: 05BC-HGM

Phường Hà Giang 1, ngày 29 tháng 07 năm 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY  
BÁN NIÊN NĂM 2026**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 390, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang.
- Điện thoại: 02193866708 – Fax: 02193867068 – Email: [khoangsanhg@vnn.vn](mailto:khoangsanhg@vnn.vn)
- Vốn điều lệ: 126.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: HGM
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị - Ban Kiểm soát và Giám đốc công ty.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện.

**I. Hoạt động của Đại Hội đồng cổ đông:**

Ngày 15 tháng 04 năm 2026 Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang đã tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026. Ngày 30 tháng 6 năm 2026 Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang đã tổ chức lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.

| STT | Số Nghị quyết, Quyết định | Ngày ban hành | Nội dung                                                          |
|-----|---------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------|
| 1   | 01/NQ-ĐHĐCĐ               | 15/04/2026    | Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2026                  |
| 2   | 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ          | 30/06/2026    | Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua lấy ý kiến bằng văn bản |

**II. Hội đồng quản trị:**

**1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị:**

| Stt | Thành viên HĐQT | Chức vụ<br>(thành viên HĐQT độc lập,<br>TVHĐQT không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là<br>thành viên HĐQT/ HĐQT độc<br>lập |                    |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------|
|     |                 |                                                                 | Ngày bổ<br>nhiệm                                              | Ngày miễn<br>nhiệm |
| 1   | Phạm Thành Đô   | Chủ tịch HĐQT - Không đh                                        | 15/04/2026<br>(bổ nhiệm lại)                                  |                    |
| 2   | Đỗ Khắc Hùng    | Thành viên - Giám đốc                                           | 15/04/2026                                                    |                    |

|   |                    |                              |                              |            |
|---|--------------------|------------------------------|------------------------------|------------|
|   |                    |                              | (bổ nhiệm lại)               |            |
| 3 | Nguyễn Phú Khánh   | Thành viên – Không đh        | 15/04/2026<br>(bổ nhiệm lại) |            |
| 4 | Đỗ Xuân Phúc       | Thành viên – Không đh        | 15/04/2026                   |            |
| 5 | Vũ Thắng Bình      | Thành viên - Phó GD          | 15/04/2026                   |            |
| 6 | Tạ Hồng Thắng      | Thành viên – TVHĐQT độc lập  | 15/04/2026<br>(bổ nhiệm lại) |            |
| 7 | Nguyễn Trung Hiếu  | Thành viên – TVHĐQT độc lập  | 15/04/2026<br>(bổ nhiệm lại) |            |
| 8 | Nguyễn Việt Phương | Phó chủ tịch HĐQT - Không đh |                              | 15/04/2026 |
| 9 | Trịnh Ngọc Hiếu    | Thành viên - Phó GD          |                              | 15/04/2026 |

## 2. Các cuộc họp HĐQT

| Số TT | Thành viên HĐQT    | Số buổi họp HĐQT tham dự (Trực tiếp - gián tiếp) | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp      | Ghi chú                                           |
|-------|--------------------|--------------------------------------------------|-------------------|------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1     | Phạm Thành Đô      | 2/2                                              | 100%              |                              |                                                   |
| 2     | Đỗ Khắc Hùng       | 2/2                                              | 100%              |                              |                                                   |
| 3     | Nguyễn Phú Khánh   | 2/2                                              | 100%              |                              |                                                   |
| 4     | Đỗ Xuân Phúc       | 1/2                                              | 50%               | Bổ nhiệm từ ngày 15/4/2026   |                                                   |
| 5     | Vũ Thắng Bình      | 1/2                                              | 50%               | Bổ nhiệm từ ngày 15/4/2026   | Trước 15/4/2026: tham dự với tư cách Phó Giám đốc |
| 6     | Tạ Hồng Thắng      | 1/2                                              | 50%               | Vắng có lý do                |                                                   |
| 7     | Nguyễn Trung Hiếu  | 2/2                                              | 100%              |                              |                                                   |
| 8     | Nguyễn Việt Phương | 1/2                                              | 50%               | Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2026 |                                                   |
| 9     | Trịnh Ngọc Hiếu    | 1/2                                              | 50%               | Miễn nhiệm từ ngày 15/4/2026 | Sau 15/4/2026: tham dự với tư cách Phó Giám đốc   |

## 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc:

- HĐQT thường xuyên theo dõi và chỉ đạo các hoạt động của Ban Giám đốc và các công việc quản lý điều hành khác, phối hợp với Ban kiểm soát Công ty kiểm tra các vấn đề;
- Triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các quyết định HĐQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện;
- HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Giám đốc đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty;

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban phụ trách tiêu thụ sản phẩm và đối ngoại hỗ trợ HĐQT và Ban giám đốc trong công tác tiêu thụ đưa ra chủ trương đàm phán hợp đồng với khách hàng.

5. Các Nghị quyết /Quyết định của HĐQT đã ban hành trong bán niên năm 2026: ([xem tại phụ lục 1 kèm theo báo cáo](#))

### III. Ban kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát:

| Số TT | Thành viên BKS         | Chức vụ    | Ngày bắt đầu /không còn là thành viên BKS |                 | Trình độ chuyên môn     |
|-------|------------------------|------------|-------------------------------------------|-----------------|-------------------------|
|       |                        |            | Ngày bổ nhiệm                             | Ngày miễn nhiệm |                         |
| 1     | Nguyễn Ngọc Tuấn       | Trưởng ban | 15/4/2026<br>(bổ nhiệm lại)               |                 | Thạc sỹ kinh tế         |
| 2     | Nguyễn Thị Lương Thanh | TV BKS     | 15/4/2026<br>(bổ nhiệm lại)               |                 | Thạc sỹ quản lý kinh tế |
| 3     | Nguyễn Hữu Trọng       | TV BKS     | 15/4/2026<br>(bổ nhiệm lại)               |                 | Cử nhân kinh tế         |

2. Cuộc họp của BKS

| Số TT | Thành viên BKS         | Số buổi tham dự họp | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-------|------------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1     | Nguyễn Ngọc Tuấn       | 1/1                 | 100%              | 100%             |                         |
| 2     | Nguyễn Thị Lương Thanh | 1/1                 | 100%              | 100%             |                         |
| 3     | Nguyễn Hữu Trọng       | 1/1                 | 100%              | 100%             |                         |

3. Hoạt động của Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc điều hành và cổ đông:

Ban kiểm soát đã hoạt động đúng chức năng đã kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT của Ban điều hành.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác:

Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với HĐQT, ban điều hành và các cán bộ quản lý khác trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, trong tổ chức sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã tiến hành xem xét thẩm tra BCTC trước kiểm toán, công tác đầu tư.

**IV. Ban điều hành:**

| STT | Thành viên Ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |                 |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------|----------------------------------------------------|-----------------|
|     |                          |                     |                     | Ngày bổ nhiệm                                      | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Đỗ Khắc Hùng             | 10/03/1974          | Cử nhân kinh tế     | 24/05/2024                                         |                 |
| 2   | Trịnh Ngọc Hiếu          | 20/12/1965          | Kỹ sư điện          | 24/05/2024                                         |                 |
| 3   | Nguyễn Khắc Tha          | 24/01/1977          | Kỹ sư địa chất      | 14/03/2026                                         |                 |
| 4   | Vũ Thắng Bình            | 09/12/1977          | Thạc sỹ kinh tế     | 24/05/2024                                         |                 |

**V. Kế toán trưởng:**

| STT | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |                 |
|-----|-------------------|---------------------|---------------------|---------------------------|-----------------|
|     |                   |                     |                     | Ngày bổ nhiệm             | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Bà Hoàng Lê Khanh | 12/02/1977          | Cử nhân kinh tế     | 24/05/2024                |                 |

**VI. Đào tạo quản trị công ty: Không có****VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:**

- Danh sách về người có liên quan của công ty: (*xem tại phụ lục 2 kèm theo báo cáo*)
- Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan người nội bộ: (*xem tại phụ lục 3 kèm theo báo cáo*)
- Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát:

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ  | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ | Ghi chú  |
|-----|---------------------------|--------------------------|------------------|-------------------------------------|----------|------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------|----------|
| 1   | Không có                  | Không có                 | Không có         | Không có                            | Không có | Không có                                             | Không có            | Không có                                    | Không có |

**4. Giao dịch giữa công ty với đối tượng khác: Không có**

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ:**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: : (xem tại phụ lục 4 kèm theo báo cáo)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không phát sinh

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Phạm Thành Đô**

**Phụ lục 1**  
**Các Nghị quyết /Quyết định của HĐQT đã ban hành trong bán niên năm 2026**

| Số TT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày phát hành | Nội dung                                                                                                 | Tỷ lệ thông qua |
|-------|--------------------------|----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1     | 60/NQ-HĐQT               | 29/01/2026     | Họp thường kỳ quý IV năm 2025                                                                            | 100%            |
| 2     | 61/NQ-HĐQT               | 27/02/2026     | Chốt ngày tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2026                                                       | 100%            |
| 3     | 62/NQ-HĐQT               | 27/02/2026     | Kiện toàn cơ cấu tổ chức và thành lập đơn vị mới                                                         | 100%            |
| 4     | 63/NQ-HĐQT               | 27/02/2026     | Thông qua chủ trương kiện toàn cơ cấu ban giám đốc và phương án nhân sự                                  | 100%            |
| 5     | 64/NQ-HĐQT               | 04/03/2026     | Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 3 năm 2025 bằng tiền mặt tỷ lệ 88%                                            | 100%            |
| 6     | 65/NQ-HĐQT               | 14/03/2026     | Bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc                                                                          | 100%            |
| 7     | 66/NQ-HĐQT               | 03/04/2026     | Thông qua nội dung tài liệu dùng trong đại hội cổ đông thường niên 2026                                  | 100%            |
| 8     | 01/2026/NQ-HĐQT          | 15/04/2026     | Bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2026-2030                                                                     | 100%            |
| 9     | 02/2026/NQ-HĐQT          | 23/04/2026     | Thông qua các biểu quyết tại đại hội cổ đông thường niên gang thép Cao Bằng năm 2026                     | 100%            |
| 10    | 03/2026/NQ-HĐQT          | 22/05/2026     | Họp thường kỳ quý I năm 2026                                                                             | 100%            |
| 11    | 04/2026/NQ-HĐQT          | 25/05/2026     | Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản                                                                  | 100%            |
| 12    | 05/2026/NQ-HĐQT          | 12/06/2026     | Thông qua chủ trương lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản                                                     | 100%            |
| 13    | 06/2026/NQ-HĐQT          | 24/06/2026     | Thông qua bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo - quản lý                                                             | 100%            |
| 14    | 01/QĐ-HĐQT               | 14/03/2026     | Bổ nhiệm chức danh Phó giám đốc công ty                                                                  | 100%            |
| 15    | 02/QĐ-HĐQT               | 16/03/2026     | Xếp bậc lương cho các chức danh quản lý điều hành công ty                                                | 100%            |
| 16    | 01/2026/QĐ-HĐQT          | 16/04/2026     | Mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người phụ trách quản trị công ty năm 2026 | 100%            |
| 17    | 02/2026/QĐ-HĐQT          | 24/06/2026     | Đổi tên Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật thành phòng Kế hoạch - Vật tư                                          | 100%            |
| 18    | 03/2026/QĐ-HĐQT          | 24/06/2026     | Thành lập phòng Kỹ thuật - Môi trường                                                                    | 100%            |
| 19    | 04/2026/QĐ-HĐQT          | 24/06/2026     | Điều động và bổ nhiệm Trưởng phòng Kỹ thuật - Môi trường                                                 | 100%            |
| 20    | 05/2026/QĐ-HĐQT          | 24/06/2026     | Bổ nhiệm quản đốc phân xưởng khai thác                                                                   | 100%            |

**Phụ lục 2**  
**Danh sách về người có liên quan của công ty**

| ST<br>T | Tên tổ<br>chức/cá<br>nhân | Tài<br>khoản<br>giao<br>dịch<br>chứng<br>khoán<br>(nếu<br>có) | Chức vụ<br>tại công<br>ty (nếu<br>có) | Số<br>Giấy<br>NSH*,<br>ngày<br>cấp,<br>nơi cấp<br>NSH | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa<br>chỉ liên hệ | Thời<br>điểm bắt<br>đầu là<br>người có<br>liên quan | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người<br>có<br>liên<br>quan | Lý<br>do | Mối<br>quan<br>hệ liên<br>quan<br>với<br>công<br>ty   |
|---------|---------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------|
| 1       | Phạm<br>Thành Đô          |                                                               | Chủ tịch<br>HĐQT                      |                                                       |                                             | 15/4/202<br>6                                       |                                                                |          | Người<br>nội bộ                                       |
| 1.1     | Phạm Văn<br>Hội           |                                                               |                                       |                                                       |                                             | 15/4/2026                                           |                                                                |          | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Phạm<br>Thành<br>Đô(Bố<br>đề )   |
| 1.2     | Lê Thị Thảo               |                                                               |                                       |                                                       |                                             | 15/4/2026                                           |                                                                |          | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Phạm<br>Thành<br>Đô(Mẹ<br>đề)    |
| 1.3     | Phạm Thu<br>Hiền          |                                                               |                                       |                                                       |                                             | 15/04/2026                                          |                                                                |          | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Phạm<br>Thành<br>Đô(Chị<br>ruột) |
| 1.4     | Nguyễn Việt<br>Trung      |                                                               |                                       |                                                       |                                             | 15/04/2026                                          |                                                                |          | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Phạm<br>Thành<br>Đô(Anh<br>rể)   |
| 1.5     | Dương Thanh<br>Huyền      |                                                               |                                       |                                                       |                                             | 15/04/2026                                          |                                                                |          | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Phạm<br>Thành<br>Đô(Vợ)          |
| 1.6     | Dương Trung<br>Quốc       |                                                               |                                       |                                                       |                                             | 15/04/2026                                          |                                                                |          | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Phạm<br>Thành                    |

|     |                        |  |                                                                                                                  |  |  |            |                |                                                                          |                                                          |
|-----|------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|     |                        |  |                                                                                                                  |  |  |            |                |                                                                          | Đô(Bố<br>vợ)                                             |
| 1.7 | Nguyễn Thị<br>Thu Hằng |  |                                                                                                                  |  |  | 15/04/2026 |                |                                                                          | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Phạm<br>Thành<br>Đô(Mẹ<br>vợ)       |
| 1.8 | Phạm Quốc<br>Anh       |  |                                                                                                                  |  |  | 15/04/2026 |                |                                                                          | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Phạm<br>Thành<br>Đô(Con<br>đẻ)      |
| 1.9 | Phạm Thành<br>An       |  |                                                                                                                  |  |  | 15/04/2026 |                |                                                                          | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Phạm<br>Thành<br>Đô(Con<br>đẻ)      |
| 2   | Nguyễn Việt<br>Phương  |  | <b>Đã miễn<br/>nhiệm<br/>Phó chủ<br/>tịch<br/>HĐQT<br/>khi hết<br/>nhiệm kỳ<br/>vào ngày<br/>15/04/202<br/>6</b> |  |  |            | 15/04/2<br>026 |                                                                          | Người<br>nội bộ                                          |
| 2.1 | Đặng Thị Thu<br>Phương |  |                                                                                                                  |  |  |            | 15/04/2<br>026 | Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phươ<br>ng<br>nghỉ<br>do<br>hết<br>nhiệ<br>m kỳ | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phương<br>(Vợ)    |
| 2.2 | Nguyễn Văn<br>Hùng     |  |                                                                                                                  |  |  |            | 15/04/2<br>026 | Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phươ<br>ng<br>nghỉ<br>do<br>hết<br>nhiệ<br>m kỳ | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phương<br>(Bố đẻ) |
| 2.3 | Chu Thị Kim<br>Thoa    |  |                                                                                                                  |  |  |            | 15/04/2<br>026 | Ông<br>Nguyễn                                                            | NLQ<br>đến                                               |

|     |                          |  |  |  |  |  |                |                                                                                |                                                                |
|-----|--------------------------|--|--|--|--|--|----------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
|     |                          |  |  |  |  |  |                | ễn<br>Việt<br>Phươ<br>ng<br>nghĩ<br>do<br>hết<br>nhiệ<br>m kỳ                  | Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phương<br>(Mẹ đẻ)                     |
| 2.4 | Đặng Thế<br>Dũng         |  |  |  |  |  | 15/04/2<br>026 | Ông<br>Nguyễn<br>ễn<br>Việt<br>Phươ<br>ng<br>nghĩ<br>do<br>hết<br>nhiệ<br>m kỳ | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phương<br>(Bố vợ)       |
| 2.5 | Nguyễn<br>Thành Lê       |  |  |  |  |  | 15/04/2<br>026 | Ông<br>Nguyễn<br>ễn<br>Việt<br>Phươ<br>ng<br>nghĩ<br>do<br>hết<br>nhiệ<br>m kỳ | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phương<br>(Anh<br>trai) |
| 2.6 | Nguyễn Văn<br>Phong      |  |  |  |  |  | 15/04/2<br>026 | Ông<br>Nguyễn<br>ễn<br>Việt<br>Phươ<br>ng<br>nghĩ<br>do<br>hết<br>nhiệ<br>m kỳ | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phương<br>(Anh<br>trai) |
| 2.7 | Vương Thị<br>Hương Giang |  |  |  |  |  | 15/04/2<br>026 | Ông<br>Nguyễn<br>ễn<br>Việt<br>Phươ<br>ng<br>nghĩ<br>do<br>hết<br>nhiệ<br>m kỳ | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phương<br>(Chị<br>dâu)  |
| 2.8 | Nguyễn Đặng<br>Ngọc Mai  |  |  |  |  |  | 15/04/2<br>026 | Ông<br>Nguyễn<br>ễn<br>Việt<br>Phươ                                            | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn                                    |

|      |                                                                              |  |                                                                |  |  |            |                |                                                                                 |                                                                           |
|------|------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------|--|--|------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                              |  |                                                                |  |  |            |                | ng<br>nghỉ<br>do<br>hết<br>nhiệ<br>m kỳ                                         | Việt<br>Phương<br>(Con đê)                                                |
| 2.9  | Nguyễn Đặng<br>Ngọc Trâm                                                     |  |                                                                |  |  |            | 15/04/2<br>026 | Ông<br>Nguyễn<br>Văn<br>Việt<br>Phươ<br>ng<br>nghỉ<br>do<br>hết<br>nhiệ<br>m kỳ | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phương<br>(Con<br>đê)              |
| 2.10 | Tổng Công ty<br>đầu tư và<br>kinh doanh<br>vốn nhà nước                      |  |                                                                |  |  |            | 15/04/2<br>026 | Ông<br>Nguyễn<br>Văn<br>Việt<br>Phươ<br>ng<br>nghỉ<br>do<br>hết<br>nhiệ<br>m kỳ | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phương<br>(phó<br>ban đầu<br>tư 1) |
| 2.11 | Tổng Công ty<br>đầu tư và<br>kinh doanh<br>vốn nhà nước<br>– Công ty<br>TNHH |  |                                                                |  |  |            | 15/04/2<br>026 | Ông<br>Nguyễn<br>Văn<br>Việt<br>Phươ<br>ng<br>nghỉ<br>do<br>hết<br>nhiệ<br>m kỳ | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Việt<br>Phương<br>(phó<br>ban đầu<br>tư 1) |
| 3    | Đỗ Khắc<br>Hùng                                                              |  | TVHĐQT<br>- Giám<br>đốc -<br>Người<br>được ủy<br>quyền<br>CBTT |  |  | 15/4/2026  |                |                                                                                 | Người<br>nội bộ                                                           |
| 3.1  | Vũ Thị Việt                                                                  |  |                                                                |  |  | 15/04/2026 |                |                                                                                 | NLQ đế<br>n Ông<br>Đỗ Khắ<br>c Hùng<br>(Mẹ đẻ)                            |
| 3.2  | Khổng Minh<br>Điểm                                                           |  |                                                                |  |  | 15/04/2026 |                |                                                                                 | NLQ đế<br>n Ông<br>Đỗ Khắ<br>c Hùng<br>(Bố vợ)                            |
| 3.3  | Đoàn Thị                                                                     |  |                                                                |  |  | 15/04/2026 |                |                                                                                 | NLQ đế                                                                    |

|      |                                                          |  |  |  |  |            |  |  |                                                     |
|------|----------------------------------------------------------|--|--|--|--|------------|--|--|-----------------------------------------------------|
|      | Hoa                                                      |  |  |  |  |            |  |  | n Ông<br>Đỗ Khắc<br>Hùng<br>(Mẹ vợ)                 |
| 3.4  | Khổng Thị<br>Lan                                         |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Đỗ Khắc<br>Hùng<br>(Vợ)          |
| 3.5  | Đỗ Bảo Hân                                               |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Đỗ Khắc<br>Hùng<br>(Con đ<br>ẻ)  |
| 3.6  | Đỗ Bảo Kim<br>Ngọc                                       |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Đỗ Khắc<br>Hùng<br>(Con đ<br>ẻ)  |
| 3.7  | Đỗ Khắc Cườ<br>ng                                        |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Đỗ Khắc<br>Hùng<br>(Em<br>traí)  |
| 3.8  | Đỗ Thu Hà                                                |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Đỗ Khắc<br>Hùng<br>(Em<br>gái)   |
| 3.9  | Nguyễn Huy<br>Hoàng                                      |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Đỗ Khắc<br>Hùng<br>(Con r<br>ẻ)  |
| 3.10 | Lê Thị Minh<br>Thường                                    |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Đỗ Khắc<br>Hùng<br>(Em<br>dâu)   |
| 3.11 | Nguyễn Mạ<br>nh Dũng                                     |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Đỗ Khắc<br>Hùng<br>(Em rể)       |
| 3.12 | Tổng Công ty<br>đầu tư và<br>kinh doanh v<br>ốn nhà nước |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n ông<br>Đỗ<br>Khắc<br>Hùng<br>(Ông<br>Đỗ |

|      |                                                               |  |                |  |  |            |  |  |                                                                        |
|------|---------------------------------------------------------------|--|----------------|--|--|------------|--|--|------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                               |  |                |  |  |            |  |  | Khắc Hùng được ủy quyền đại diện vốn)                                  |
| 3.13 | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến ông Đỗ Khắc Hùng (Ông Đỗ Khắc Hùng được ủy quyền đại diện vốn) |
| 4    | <b>Nguyễn Phú Khánh</b>                                       |  | <b>TV HĐQT</b> |  |  | 15/04/2026 |  |  | Người nội bộ                                                           |
| 4.1  | Vũ Lan Hương                                                  |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Vợ)                                      |
| 4.2  | Nguyễn Phú An                                                 |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Con đẻ)                                  |
| 4.3  | Nguyễn Phú Khang                                              |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Con đẻ)                                  |
| 4.4  | Nguyễn Phú Đạt                                                |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Bố đẻ)                                   |
| 4.5  | Lê Thị Hòa Bình                                               |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Mẹ đẻ)                                   |
| 4.6  | Vũ Xuân Cao                                                   |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến ông Nguyễn Phú                                                 |

|      |                                                                              |  |                    |  |  |            |  |  |                                                                                                           |
|------|------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------|--|--|------------|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                              |  |                    |  |  |            |  |  | Khánh<br>(Bố vợ)                                                                                          |
| 4.7  | Tạ Thị Hồng<br>Tĩnh                                                          |  |                    |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Nguyễn<br>Phú<br>Khánh<br>(Mẹ vợ)                                                       |
| 4.8  | Nguyễn Lê<br>Dung                                                            |  |                    |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Nguyễn<br>Phú<br>Khánh<br>(Em<br>gái)                                                   |
| 4.9  | Bùi Hoàng<br>Nam                                                             |  |                    |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Nguyễn<br>Phú<br>Khánh<br>(Em rể)                                                       |
| 4.10 | Tổng Công ty<br>đầu tư và<br>kinh doanh<br>vốn nhà nước                      |  |                    |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Nguyễn<br>Phú<br>Khánh<br>(Ông<br>Nguyễn<br>Phú<br>Khánh<br>làm phó<br>ban đầu<br>tư 2) |
| 4.11 | Tổng Công ty<br>đầu tư và<br>kinh doanh<br>vốn nhà nước<br>- Công ty<br>TNHH |  |                    |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Nguyễn<br>Phú<br>Khánh<br>(Ông<br>Nguyễn<br>Phú<br>Khánh<br>làm phó<br>ban đầu<br>tư 2) |
| 5    | <b>Đỗ Xuân<br/>Phúc</b>                                                      |  | <b>TV<br/>HĐQT</b> |  |  | 15/04/2026 |  |  | Người<br>nội bộ                                                                                           |
| 5.1  | Đỗ Viết Bin                                                                  |  |                    |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc<br>(Bố đẻ)                                                           |
| 5.2  | Nguyễn Thị<br>Phượng                                                         |  |                    |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Đỗ<br>Xuân                                                                              |

|      |                                                         |  |  |  |  |            |  |  |                                                                     |
|------|---------------------------------------------------------|--|--|--|--|------------|--|--|---------------------------------------------------------------------|
|      |                                                         |  |  |  |  |            |  |  | Phúc<br>(Mẹ đẻ)                                                     |
| 5.3  | Nguyễn<br>Thu Trang                                     |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc<br>(Vợ)                        |
| 5.4  | Đỗ Nguyễn<br>Minh Ngọc                                  |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc<br>(Con<br>đẻ)                 |
| 5.5  | Đỗ Nguyễn<br>Bá Dương                                   |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc<br>(Con<br>đẻ)                 |
| 5.6  | Đỗ Thị<br>Ngọc Hạnh                                     |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc<br>(Chị<br>gái)                |
| 5.7  | Nguyễn<br>Văn Tước                                      |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc<br>(Anh<br>rể)                 |
| 5.8  | Nguyễn<br>Viết Tiếp                                     |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc<br>(Bồ vợ)                     |
| 5.9  | Nguyễn Thị<br>Nga                                       |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc<br>(Mẹ vợ)                     |
| 5.10 | Tổng Công ty<br>đầu tư và<br>kinh doanh<br>vốn nhà nước |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc<br>(Ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc) |

|      |                                                                              |  |               |  |  |            |  |  |                                                                                                         |
|------|------------------------------------------------------------------------------|--|---------------|--|--|------------|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                              |  |               |  |  |            |  |  | làm phó<br>chánh<br>văn<br>phòng)                                                                       |
| 5.11 | Tổng Công ty<br>đầu tư và<br>kinh doanh<br>vốn nhà nước<br>- Công ty<br>TNHH |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc<br>(Ông<br>Đỗ<br>Xuân<br>Phúc<br>làm phó<br>chánh<br>văn<br>phòng) |
| 6    | <b>Nguyễn<br/>Trung Hiếu</b>                                                 |  | <b>TVHĐQT</b> |  |  | 15/04/2026 |  |  | Người<br>nội bộ                                                                                         |
| 6.1  | Nguyễn Đình<br>Hưng                                                          |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Trung<br>Hiếu<br>(Bố đẻ)                                                 |
| 6.2  | Vũ Thị Thuận                                                                 |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Trung<br>Hiếu<br>(Mẹ đẻ)                                                 |
| 6.3  | Trần Thị Hào                                                                 |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Trung<br>Hiếu<br>(Vợ)                                                    |
| 6.4  | Nguyễn Duy<br>Nghĩa                                                          |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Trung<br>Hiếu<br>(Con<br>đẻ)                                             |
| 6.5  | Nguyễn<br>Trung Nghĩa                                                        |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Trung<br>Hiếu<br>(Con<br>đẻ)                                             |
| 6.6  | Nguyễn Hồng                                                                  |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ                                                                                                     |

|     |                      |  |                |  |  |            |  |  |                                         |
|-----|----------------------|--|----------------|--|--|------------|--|--|-----------------------------------------|
|     | Hoa Anna             |  |                |  |  |            |  |  | đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Con đẻ)      |
| 6.7 | Nguyễn Thu Hà        |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Em ruột) |
| 6.8 | Lê Quang Hiệp        |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Em rể)   |
| 6.9 | Nguyễn Thảo Hiền     |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Em gái)  |
| 7   | <b>Tạ Hồng Thăng</b> |  | <b>TV HĐQT</b> |  |  | 15/04/2026 |  |  | Người nội bộ                            |
| 7.1 | Đỗ Thị Hồng Cẩm      |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Tạ Hồng Thăng (Mẹ đẻ)       |
| 7.2 | Trần Thị Lộc         |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Tạ Hồng Thăng (Mẹ vợ)       |
| 7.3 | Trần Thị Như Quỳnh   |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Tạ Hồng Thăng (Vợ)          |
| 7.4 | Tạ Quỳnh Chi         |  |                |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Tạ Hồng Thăng (Con đẻ)      |

|     |                  |  |                                               |  |  |            |  |  |                                                           |
|-----|------------------|--|-----------------------------------------------|--|--|------------|--|--|-----------------------------------------------------------|
| 7.5 | Tạ Hồng Phúc     |  |                                               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Tạ Hồ<br>ng<br>Thăng(<br>Con đẻ)       |
| 7.6 | Tạ Hồng Long     |  |                                               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Tạ Hồ<br>ng<br>Thăng(<br>Anh ruộ<br>t) |
| 7.7 | Trần Minh Tuyết  |  |                                               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Tạ Hồ<br>ng<br>Thăng(<br>Chị<br>dâu)   |
| 8   | Vũ Thắng Bình    |  | <b>TV<br/>HDQT -<br/>Phó<br/>Giám<br/>đốc</b> |  |  | 15/04/2026 |  |  | Người<br>nội bộ                                           |
| 8.1 | Vũ Thắng Văn     |  |                                               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Vũ Thắ<br>ng<br>Bình(B<br>ố đẻ)        |
| 8.2 | Phan Thị Sửu     |  |                                               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Vũ Thắ<br>ng<br>Bình(M<br>ẹ đẻ)        |
| 8.3 | Tổng Phúc Kính   |  |                                               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Vũ Thắ<br>ng<br>Bình(B<br>ố vợ)        |
| 8.4 | Đỗ Thị Thanh Hào |  |                                               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Vũ Thắ<br>ng<br>Bình(M<br>ẹ vợ)        |
| 8.5 | Tổng Thùy Linh   |  |                                               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Vũ Thắ<br>ng<br>Bình(V<br>ợ)           |
| 8.6 | Vũ Đình          |  |                                               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế                                                    |

|     |                             |  |                       |  |  |            |  |  |                                                         |
|-----|-----------------------------|--|-----------------------|--|--|------------|--|--|---------------------------------------------------------|
|     | Nguyễn                      |  |                       |  |  |            |  |  | n Ông<br>Vũ Thắ<br>ng<br>Bình(C<br>on đề)               |
| 8.7 | Vũ Hạo Anh                  |  |                       |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Vũ Thắ<br>ng<br>Bình(C<br>on đề)     |
| 8.8 | Vũ Thị Thúy<br>Mình         |  |                       |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Vũ Thắ<br>ng<br>Bình(C<br>hị ruột)   |
| 8.9 | Quách Thạch<br>Thi          |  |                       |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Vũ Thắ<br>ng<br>Bình(A<br>nh rể)     |
| 9   | <b>Nguyễn Ngọc<br/>Tuấn</b> |  | <b>Trưởng<br/>BKS</b> |  |  | 15/04/2026 |  |  | Người<br>nội bộ                                         |
| 9.1 | Nguyễn Ngọc<br>Khâm         |  |                       |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Ngọc<br>Tuấn(B<br>ố đẻ)  |
| 9.2 | Nguyễn Thị<br>Nga           |  |                       |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Ngọc<br>Tuấn(M<br>ẹ đẻ)  |
| 9.3 | Đào Cẩm<br>Vân              |  |                       |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Ngọc<br>Tuấn(V<br>ợ)     |
| 9.4 | Nguyễn Thị<br>Ngọc Tú       |  |                       |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến<br>Ông<br>Nguyễn<br>Ngọc<br>Tuấn(E<br>m gái) |
| 9.5 | Nguyễn Ngọc                 |  |                       |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ                                                     |

|      |                        |  |        |  |  |            |  |  |                                            |
|------|------------------------|--|--------|--|--|------------|--|--|--------------------------------------------|
|      | Trang Ngân             |  |        |  |  |            |  |  | đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(C on đề)          |
| 9.6  | Nguyễn Ngọc Ngân Giang |  |        |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(C on đề)      |
| 9.7  | Đào Quang Tuấn         |  |        |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(B ố vợ)       |
| 9.8  | Vũ Thị Hòa             |  |        |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(M ẹ Vợ)       |
| 9.9  | Đào Minh Tuấn          |  |        |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(E m rề)       |
| 10   | Nguyễn Thị Lương Thanh |  | TV BKS |  |  | 15/04/2026 |  |  | Người nội bộ                               |
| 10.1 | Dư Ngọc Bình           |  |        |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Bà Nguyễn Thị Lương Thanh (Chồng ) |
| 10.2 | Dư Nguyễn Ngọc Minh    |  |        |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Bà Nguyễn Thị Lương Thanh (Con đề) |
| 10.3 | Dư Nhật                |  |        |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ                                        |

|      |                                                                              |  |  |  |  |            |  |  |                                                                                         |
|------|------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|------------|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|      | Thành                                                                        |  |  |  |  |            |  |  | đến Bà<br>Nguyễn<br>Thị<br>Lương<br>Thanh<br>(Con<br>đẻ)                                |
| 10.4 | Nguyễn Đắc<br>Điền                                                           |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến Bà<br>Nguyễn<br>Thị<br>Lương<br>Thanh<br>(Bố đẻ)                             |
| 10.5 | Lương Thị<br>Thanh Thủy                                                      |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến Bà<br>Nguyễn<br>Thị<br>Lương<br>Thanh<br>(Mẹ đẻ)                             |
| 10.6 | Đặng Thị Nụ                                                                  |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến Bà<br>Nguyễn<br>Thị<br>Lương<br>Thanh<br>(Mẹ<br>chồng)                       |
| 10.7 | Nguyễn<br>Lương Đức                                                          |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến Bà<br>Nguyễn<br>Thị<br>Lương<br>Thanh<br>(Anh<br>ruột)                       |
| 10.8 | Tổng Công ty<br>đầu tư và<br>kinh doanh<br>vốn nhà nước                      |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến Bà<br>Nguyễn<br>Thị<br>Lương<br>Thanh<br>(chuyên<br>viên<br>ban đầu<br>tư 2) |
| 10.9 | Tổng Công ty<br>đầu tư và<br>kinh doanh<br>vốn nhà nước<br>– Công ty<br>TNHH |  |  |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ<br>đến Bà<br>Nguyễn<br>Thị<br>Lương<br>Thanh<br>(chuyên<br>viên<br>ban đầu<br>tư 2) |

|      |                   |  |               |  |  |            |  |  |                                        |
|------|-------------------|--|---------------|--|--|------------|--|--|----------------------------------------|
| 11   | Nguyễn Hữu Trọng  |  | TV BKS        |  |  | 15/04/2026 |  |  | Người nội bộ                           |
| 11.1 | Trần Thị Thường   |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng( Mẹ đẻ)   |
| 11.2 | Nguyễn Hữu Tùng   |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng( Em Trai) |
| 11.3 | Ma Thị Hương      |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng( Vợ)      |
| 11.4 | Nguyễn Hữu Kỳ Anh |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng( Con đẻ)  |
| 11.5 | Nguyễn Thuỳ Chi   |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng( Con đẻ)  |
| 11.6 | Tào Thị Trà My    |  |               |  |  | 15/04/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng (Em Dâu)  |
| 12   | Trịnh Ngọc Hiếu   |  | Phó Giám đốc  |  |  | 24/05/2025 |  |  | Người nội bộ                           |
| 12.1 | Vũ Thị Vui        |  | Phó phòng KHK |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu (Vợ)       |
| 12.2 | Trịnh Ngọc Tuấn   |  |               |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông                            |

|       |                  |  |  |  |  |            |  |  |                                        |
|-------|------------------|--|--|--|--|------------|--|--|----------------------------------------|
|       |                  |  |  |  |  |            |  |  | Trịnh Ngọc Hiếu (Con rể)               |
| 12.3  | Trịnh Ngọc Nghĩa |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu (Con rể)   |
| 12.4  | Vũ Hồng Quang    |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu (Bố vợ)    |
| 12.5  | Đặng Thị Tư ới   |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu (Mẹ vợ)    |
| 12.6  | Trịnh Thị Thảo o |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu (Chị ruột) |
| 12.7  | Trịnh Thị Chung  |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu (Em ruột)  |
| 12.8  | Trịnh Thị Vân    |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu (Em ruột)  |
| 12.9  | Trịnh Ngọc Nam   |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu (Em ruột)  |
| 12.10 | Phùng Hải Lý     |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu            |

|                   |                            |  |                         |  |  |            |  |  |                                                         |
|-------------------|----------------------------|--|-------------------------|--|--|------------|--|--|---------------------------------------------------------|
|                   |                            |  |                         |  |  |            |  |  | (Anh r<br>ẻ)                                            |
| <b>12.1<br/>1</b> | Lê Hữu Nam                 |  |                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Trịnh<br>Ngọc<br>Hiếu<br>(Em rẻ)     |
| <b>12.1<br/>2</b> | Nguyễn Việt<br>Hùng        |  |                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Trịnh<br>Ngọc<br>Hiếu<br>(Em rẻ)     |
| <b>12.1<br/>3</b> | Bùi Minh<br>Nguyệt         |  |                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đế<br>n Ông<br>Trịnh<br>Ngọc<br>Hiếu<br>(Em<br>dâu) |
| <b>13</b>         | <b>Nguyễn<br/>Khắc Tha</b> |  | <b>Phó Giám<br/>đốc</b> |  |  | 14/03/2026 |  |  | Người<br>nội bộ                                         |
| <b>13.1</b>       | Lưu Thị Phồn               |  |                         |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đ<br>ến Ông<br>Nguyễn<br>Khắc<br>Tha<br>(Mẹ đẻ)     |
| <b>13.2</b>       | Đinh Thị<br>Phương         |  |                         |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đ<br>ến Ông<br>Nguyễn<br>Khắc<br>Tha<br>(Mẹ<br>vợ)  |
| <b>13.3</b>       | Nguyễn Thị<br>Nguyệt Hoa   |  |                         |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đ<br>ến Ông<br>Nguyễn<br>Khắc<br>Tha<br>(Vợ)        |
| <b>13.4</b>       | Nguyễn Diệu<br>Anh         |  |                         |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đ<br>ến Ông<br>Nguyễn<br>Khắc<br>Tha<br>(Con<br>đẻ) |
| <b>13.5</b>       | Nguyễn Ngọc<br>Khánh       |  |                         |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đ<br>ến Ông<br>Nguyễn<br>Khắc<br>Tha<br>(Con<br>đẻ) |

|       |                       |  |                       |  |  |            |  |  |                                        |
|-------|-----------------------|--|-----------------------|--|--|------------|--|--|----------------------------------------|
| 13.6  | Nguyễn Ngọc Diệp      |  |                       |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Con đẻ)   |
| 13.7  | Nguyễn Khắc Thận      |  |                       |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Anh trai) |
| 13.8  | Nguyễn Thị Thán       |  |                       |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Chị gái)  |
| 13.9  | Nguyễn Khắc Thứ       |  |                       |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Anh trai) |
| 13.10 | Nguyễn Thị Ngát       |  |                       |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Chị dâu)  |
| 13.11 | Lương Thị Duy         |  |                       |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Chị dâu)  |
| 13.12 | Trần Minh Phụng       |  |                       |  |  | 14/03/2026 |  |  | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Anh rể)   |
| 14    | <b>Hoàng Lê Khanh</b> |  | <b>Kế toán trưởng</b> |  |  | 24/05/2024 |  |  | Người nội bộ                           |
| 14.1  | Phạm Thị Thìn         |  |                       |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Bà Hoàng Lê Khanh(             |

|      |                     |  |                                         |  |  |            |  |  |                                    |
|------|---------------------|--|-----------------------------------------|--|--|------------|--|--|------------------------------------|
|      |                     |  |                                         |  |  |            |  |  | Mẹ đẻ)                             |
| 14.2 | Hoàng Mai Thu       |  |                                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Bà Hoàng Lê Khanh(Chị gái) |
| 14.3 | Hoàng Thị Thúy      |  |                                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Bà Hoàng Lê Khanh(Chị gái) |
| 14.4 | Nguyễn Duy Quang    |  |                                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Bà Hoàng Lê Khanh(Anh rể)  |
| 14.5 | Phan Sỹ Thời        |  |                                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Bà Hoàng Lê Khanh(Anh rể)  |
| 14.6 | Phạm Hoàng Gia Linh |  |                                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Bà Hoàng Lê Khanh(Con đẻ)  |
| 14.7 | Phạm Hoàng Linh Đan |  |                                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Bà Hoàng Lê Khanh(Con đẻ)  |
| 15   | Đào Minh Tân        |  | <b>Người phụ trách quản trị công ty</b> |  |  | 24/05/2026 |  |  | Người nội bộ                       |
| 15.1 | Đào Xuân Tuất       |  |                                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Đào Minh Tân(Bố đẻ)    |
| 15.2 | Phan Thị Hồng       |  |                                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Đào Minh Tân(Mẹ đẻ)    |
| 15.3 | Nguyễn              |  |                                         |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ                                |

|      |                      |  |  |  |  |            |  |  |                                  |
|------|----------------------|--|--|--|--|------------|--|--|----------------------------------|
|      | Phùng Hiếu           |  |  |  |  |            |  |  | đến Ông Đào Minh Tân(Bố vợ)      |
| 15.4 | Nguyễn Thị Hợp       |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Đào Minh Tân(Mẹ vợ)  |
| 15.5 | Nguyễn Thị Mỹ Phương |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Đào Minh Tân(Vợ )    |
| 15.6 | Đào Minh Trang       |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Đào Minh Tân(Em gái) |
| 15.7 | Lưu Hoàng Phúc       |  |  |  |  | 24/05/2024 |  |  | NLQ đến Ông Đào Minh Tân(Em rể)  |

### Phụ lục 3

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan người nội bộ

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                                           | Mối quan hệ liên quan với công ty                                               | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH</i> | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch             | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Phạm Thành Đô                                                 | Chủ tịch HĐQT                                                                   |                                               |                                          | 09/04/2026                      | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026                                                            | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 3.518.240.000 VNĐ.  |         |
| 2   | Phạm Văn Hội                                                  | NLQ đến Ông Phạm Thành Đô(Bố đẻ )                                               |                                               |                                          | 09/04/2026                      | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026                                                            | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 1.161.600.000 VNĐ.  |         |
| 3   | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước                | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương, Ông Nguyễn Phú Khánh, Bà Nguyễn Thị Lương Thanh |                                               |                                          | 09/04/2026                      | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026                                                            | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 25.855.632.000 VNĐ. |         |
| 4   | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Công ty TNHH | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương, Ông Nguyễn Phú Khánh, Bà Nguyễn Thị Lương Thanh |                                               |                                          | 09/04/2026                      | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026                                                            | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 25.855.632.000 VNĐ. |         |
| 5   | Đỗ Khắc Hùng                                                  | Giám đốc - TV HĐQT                                                              |                                               |                                          | 09/04/2026                      | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026                                                            | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025:                     |         |

|    |                   |                                        |  |  |            |                            |                                                       |  |
|----|-------------------|----------------------------------------|--|--|------------|----------------------------|-------------------------------------------------------|--|
|    |                   |                                        |  |  |            |                            | 246.400.000 VNĐ.                                      |  |
| 6  | Đỗ Thu Hà         | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Em gái)      |  |  | 09/04/2026 | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026 | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 17.600.000 VNĐ.    |  |
| 7  | Nguyễn Trung Hiếu | TVHĐQT                                 |  |  | 09/04/2026 | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026 | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 616.880.000 VNĐ.   |  |
| 8  | Nguyễn Thảo Hiền  | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Em gái) |  |  | 09/04/2026 | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026 | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 2.535.280.000 VNĐ. |  |
| 9  | Trịnh Ngọc Hiếu   | Phó Giám đốc - TVHĐQT                  |  |  | 09/04/2026 | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026 | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 742.720.000 VNĐ.   |  |
| 10 | Vũ Thị Vui        | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu (Vợ)       |  |  | 09/04/2026 | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026 | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 53.680.000 VNĐ.    |  |
| 11 | Tạ Hồng Thăng     | TV HĐQT                                |  |  | 09/04/2026 | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026 | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 285.120.000 VNĐ.   |  |
| 12 | Nguyễn Hữu Trọng  | TV BKS                                 |  |  | 09/04/2026 | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026 | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 880.000 VNĐ.       |  |
| 13 | Hoàng Lê Khanh    | Kế toán trưởng                         |  |  | 09/04/2026 | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026 | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 23.760.000 VNĐ.    |  |
| 14 | Đào Xuân Tuất     | NLQ đến Ông Đào Minh Tân (Bố đẻ)       |  |  | 09/04/2026 | 64/NQ-HĐQT ngày 04/03/2026 | Trả cổ tức tạm ứng đợt 3 năm 2025: 1.760.000 VNĐ.     |  |

#### Phụ lục 4

##### Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

| Stt      | Họ tên                    | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)                                                | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Ghi chú                               |
|----------|---------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------------|-------------------------------|---------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Phạm Thành Đô</b>      |                                          | <b>Chủ tịch HĐQT</b>                                                        |                                      |                 | <b>399800</b>              | <b>3,170%</b>                 | <b>Người nội bộ</b>                   |
| 1.1      | Phạm Văn Hội              |                                          |                                                                             |                                      |                 | 132000                     | 1,047%                        | NLQ đến Ông Phạm Thành Đô(Bố đẻ )     |
| 1.2      | Lê Thị Thảo               |                                          |                                                                             |                                      |                 | 0                          | 0,000%                        | NLQ đến Ông Phạm Thành Đô(Mẹ đẻ)      |
| 1.3      | Phạm Thu Hiền             |                                          |                                                                             |                                      |                 | 0                          | 0,000%                        | NLQ đến Ông Phạm Thành Đô(Chị ruột)   |
| 1.4      | Nguyễn Việt Trung         |                                          |                                                                             |                                      |                 | 0                          | 0,000%                        | NLQ đến Ông Phạm Thành Đô(Anh rể)     |
| 1.5      | Dương Thanh Huyền         |                                          |                                                                             |                                      |                 | 0                          | 0,000%                        | NLQ đến Ông Phạm Thành Đô(Vợ)         |
| 1.6      | Dương Trung Quốc          |                                          |                                                                             |                                      |                 | 0                          | 0,000%                        | NLQ đến Ông Phạm Thành Đô(Bố vợ)      |
| 1.7      | Nguyễn Thị Thu Hằng       |                                          |                                                                             |                                      |                 | 0                          | 0,000%                        | NLQ đến Ông Phạm Thành Đô(Mẹ vợ)      |
| 1.8      | Phạm Quốc Anh             |                                          |                                                                             |                                      |                 | 0                          | 0,000%                        | NLQ đến Ông Phạm Thành Đô(Con đẻ)     |
| 1.9      | Phạm Thành An             |                                          |                                                                             |                                      |                 | 0                          | 0,000%                        | NLQ đến Ông Phạm Thành Đô(Con đẻ)     |
| <b>2</b> | <b>Nguyễn Việt Phương</b> |                                          | <b>Đã miễn nhiệm Phó chủ tịch HĐQT khi hết nhiệm kỳ vào ngày 15/04/2026</b> |                                      |                 | <b>0</b>                   | <b>0,000%</b>                 | <b>Người nội bộ</b>                   |
| 2.1      | Đặng Thị Thu Phương       |                                          |                                                                             |                                      |                 | 0                          | 0,000%                        | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương(Vợ)    |
| 2.2      | Nguyễn Văn Hùng           |                                          |                                                                             |                                      |                 | 0                          | 0,000%                        | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương(Bố đẻ) |
| 2.3      | Chu Thị Kim Thoa          |                                          |                                                                             |                                      |                 | 0                          | 0,000%                        | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương(Mẹ đẻ) |

|      |                                                               |  |                                                    |  |  |              |              |                                                  |
|------|---------------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------|--|--|--------------|--------------|--------------------------------------------------|
| 2.4  | Đặng Thế Dũng                                                 |  |                                                    |  |  | 0            | 0,000%       | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương(Bố vợ)            |
| 2.5  | Nguyễn Thành Lê                                               |  |                                                    |  |  | 0            | 0,000%       | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương(Anh trai)         |
| 2.6  | Nguyễn Văn Phong                                              |  |                                                    |  |  | 0            | 0,000%       | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương(Anh trai)         |
| 2.7  | Vương Thị Hương Giang                                         |  |                                                    |  |  | 0            | 0,000%       | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương(Chị dâu)          |
| 2.8  | Nguyễn Đặng Ngọc Mai                                          |  |                                                    |  |  | 0            | 0,000%       | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương(Con rể)           |
| 2.9  | Nguyễn Đặng Ngọc Trâm                                         |  |                                                    |  |  | 0            | 0,000%       | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương(Con rể)           |
| 2.10 | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước                |  |                                                    |  |  | 2938140      | 23,310%      | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương(phó ban đầu tư 1) |
| 2.11 | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Công ty TNHH |  |                                                    |  |  | 2938140      | 23,310%      | NLQ đến Ông Nguyễn Việt Phương(phó ban đầu tư 1) |
| 3    | <b>Đỗ Khắc Hùng</b>                                           |  | <b>TVHĐQT - Giám đốc - Người được ủy quyền CBT</b> |  |  | <b>28000</b> | <b>0,22%</b> | <b>Người nội bộ</b>                              |
| 3.1  | Vũ Thị Việt                                                   |  |                                                    |  |  | 0            | 0,000%       | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Mẹ đẻ)                 |
| 3.2  | Khổng Minh Diễm                                               |  |                                                    |  |  | 0            | 0,000%       | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Bố vợ)                 |
| 3.3  | Đoàn Thị Hoa                                                  |  |                                                    |  |  | 0            | 0,000%       | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Mẹ vợ)                 |

|      |                                                               |  |                |  |  |          |               |                                                                        |
|------|---------------------------------------------------------------|--|----------------|--|--|----------|---------------|------------------------------------------------------------------------|
| 3.4  | Khổng Thị Lan                                                 |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Vợ)                                          |
| 3.5  | Đỗ Bảo Hân                                                    |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Con đẻ)                                      |
| 3.6  | Đỗ Bảo Kim Ngọc                                               |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Con đẻ)                                      |
| 3.7  | Đỗ Khắc Cường                                                 |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Em trai)                                     |
| 3.8  | Đỗ Thu Hà                                                     |  |                |  |  | 2000     | 0,016%        | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Em gái)                                      |
| 3.9  | Nguyễn Huy Hoàng                                              |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Con rể)                                      |
| 3.10 | Lê Thị Minh Thường                                            |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Em dâu)                                      |
| 3.11 | Nguyễn Mạnh Dũng                                              |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Đỗ Khắc Hùng (Em rể)                                       |
| 3.12 | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước                |  |                |  |  | 2938140  | 23,310%       | NLQ đến ông Đỗ Khắc Hùng (Ông Đỗ Khắc Hùng được ủy quyền đại diện vốn) |
| 3.13 | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH |  |                |  |  | 2938140  | 23,310%       | NLQ đến ông Đỗ Khắc Hùng (Ông Đỗ Khắc Hùng được ủy quyền đại diện vốn) |
| 4    | <b>Nguyễn Phú Khánh</b>                                       |  | <b>TV HĐQT</b> |  |  | <b>0</b> | <b>0,000%</b> | <b>Người nội bộ</b>                                                    |
| 4.1  | Vũ Lan Hương                                                  |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Vợ)                                      |
| 4.2  | Nguyễn Phú An                                                 |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Con đẻ)                                  |
| 4.3  | Nguyễn Phú Khang                                              |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Con đẻ)                                  |
| 4.4  | Nguyễn Phú Đạt                                                |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Bố đẻ)                                   |
| 4.5  | Lê Thị                                                        |  |                |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông                                                            |

|          |                                                               |  |               |  |  |          |               |                                                                          |
|----------|---------------------------------------------------------------|--|---------------|--|--|----------|---------------|--------------------------------------------------------------------------|
|          | Hòa Bình                                                      |  |               |  |  |          |               | Nguyễn Phú Khánh (Mẹ đẻ)                                                 |
| 4.6      | Vũ Xuân Cao                                                   |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Bố vợ)                                     |
| 4.7      | Tạ Thị Hồng Tính                                              |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Mẹ vợ)                                     |
| 4.8      | Nguyễn Lê Dung                                                |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Em gái)                                    |
| 4.9      | Bùi Hoàng Nam                                                 |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Em rể)                                     |
| 4.10     | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước                |  |               |  |  | 2938140  | 23,310%       | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Ông Nguyễn Phú Khánh làm phó ban đầu tư 2) |
| 4.11     | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH |  |               |  |  | 2938140  | 23,310%       | NLQ đến ông Nguyễn Phú Khánh (Ông Nguyễn Phú Khánh làm phó ban đầu tư 2) |
| <b>5</b> | <b>Đỗ Xuân Phúc</b>                                           |  | <b>TVHĐQT</b> |  |  | <b>0</b> | <b>0,000%</b> | <b>Người nội bộ</b>                                                      |
| 5.1      | Đỗ Việt Bin                                                   |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Đỗ Xuân Phúc (Bố đẻ)                                         |
| 5.2      | Nguyễn Thị Phụng                                              |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Đỗ Xuân Phúc (Mẹ đẻ)                                         |
| 5.3      | Nguyễn Thu Trang                                              |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Đỗ Xuân Phúc (Vợ)                                            |
| 5.4      | Đỗ Nguyễn Minh Ngọc                                           |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Đỗ Xuân Phúc (Con đẻ)                                        |
| 5.5      | Đỗ Nguyễn Bá Dương                                            |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Đỗ Xuân Phúc (Con đẻ)                                        |
| 5.6      | Đỗ Thị Ngọc Hạnh                                              |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Đỗ Xuân Phúc (Chị gái)                                       |
| 5.7      | Nguyễn Văn Tước                                               |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Đỗ Xuân Phúc (Anh rể)                                        |
| 5.8      | Nguyễn Việt Tiệp                                              |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến ông Đỗ Xuân Phúc                                                 |

|      |                                                               |  |                |  |  |              |               |                                                                     |
|------|---------------------------------------------------------------|--|----------------|--|--|--------------|---------------|---------------------------------------------------------------------|
|      |                                                               |  |                |  |  |              |               | (Bố vợ)                                                             |
| 5.9  | Nguyễn Thị Nga                                                |  |                |  |  | 0            | 0,000%        | NLQ đến ông Đỗ Xuân Phúc (Mẹ vợ)                                    |
| 5.10 | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước                |  |                |  |  | 2938140      | 23,310%       | NLQ đến ông Đỗ Xuân Phúc (Ông Đỗ Xuân Phúc làm phó chánh văn phòng) |
| 5.11 | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Công ty TNHH |  |                |  |  | 2938140      | 23,310%       | NLQ đến ông Đỗ Xuân Phúc (Ông Đỗ Xuân Phúc làm phó chánh văn phòng) |
| 6    | <b>Nguyễn Trung Hiếu</b>                                      |  | <b>TVHĐQT</b>  |  |  | <b>70100</b> | <b>0,550%</b> | <b>Người nội bộ</b>                                                 |
| 6.1  | Nguyễn Đình Hưng                                              |  |                |  |  | 0            | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Bố đẻ)                               |
| 6.2  | Vũ Thị Thuận                                                  |  |                |  |  | 0            | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Mẹ đẻ)                               |
| 6.3  | Trần Thị Hào                                                  |  |                |  |  | 0            | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Vợ)                                  |
| 6.4  | Nguyễn Duy Nghĩa                                              |  |                |  |  | 0            | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Con đẻ)                              |
| 6.5  | Nguyễn Trung Nghĩa                                            |  |                |  |  | 0            | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Con đẻ)                              |
| 6.6  | Nguyễn Hồng Hoa Anna                                          |  |                |  |  | 0            | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Con đẻ)                              |
| 6.7  | Nguyễn Thu Hà                                                 |  |                |  |  | 0            | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Em ruột)                             |
| 6.8  | Lê Quang Hiệp                                                 |  |                |  |  | 0            | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Em rể)                               |
| 6.9  | Nguyễn Thảo Hiền                                              |  |                |  |  | 288100       | 2,28%         | NLQ đến Ông Nguyễn Trung Hiếu (Em gái)                              |
| 7    | <b>Tạ Hồng Thăng</b>                                          |  | <b>TV HĐQT</b> |  |  | <b>32400</b> | <b>0,257%</b> | <b>Người nội bộ</b>                                                 |
| 7.1  | Đỗ Thị Hồng Cẩm                                               |  |                |  |  | 0            | 0,000%        | NLQ đến Ông Tạ Hồng Thăng (Mẹ đẻ)                                   |
| 7.2  | Trần Thị Lộc                                                  |  |                |  |  | 0            | 0,000%        | NLQ đến Ông Tạ Hồng                                                 |

|          |                                 |  |                                               |  |  |          |               |                                              |
|----------|---------------------------------|--|-----------------------------------------------|--|--|----------|---------------|----------------------------------------------|
|          |                                 |  |                                               |  |  |          |               | Thăng(Mẹ vợ)                                 |
| 7.3      | Trần Thị<br>Nhu<br>Quỳnh        |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Tạ Hồng<br>Thăng(Vợ)          |
| 7.4      | Tạ<br>Quỳnh<br>Chi              |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Tạ Hồng<br>Thăng(Con đẻ)      |
| 7.5      | Tạ Hồng<br>Phúc                 |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Tạ Hồng<br>Thăng(Con đẻ)      |
| 7.6      | Tạ Hồng<br>Long                 |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Tạ Hồng<br>Thăng(Anh<br>ruột) |
| 7.7      | Trần<br>Minh<br>Tuyết           |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Tạ Hồng<br>Thăng(Chị dâu)     |
| <b>8</b> | <b>Vũ<br/>Thắng<br/>Bình</b>    |  | <b>TV<br/>HDQT -<br/>Phó<br/>Giám<br/>đốc</b> |  |  | <b>0</b> | <b>0,000%</b> | <b>Người nội bộ</b>                          |
| 8.1      | Vũ<br>Thắng<br>Văn              |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Vũ Thắng<br>Bình(Bố đẻ)       |
| 8.2      | Phan Thị<br>Sứu                 |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Vũ Thắng<br>Bình(Mẹ đẻ)       |
| 8.3      | Tổng<br>Phúc<br>Kính            |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Vũ Thắng<br>Bình(Bố vợ)       |
| 8.4      | Đỗ Thị<br>Thanh<br>Hào          |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Vũ Thắng<br>Bình(Mẹ vợ)       |
| 8.5      | Tổng<br>Thùy<br>Linh            |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Vũ Thắng<br>Bình(Vợ)          |
| 8.6      | Vũ Đình<br>Nguyên               |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Vũ Thắng<br>Bình(Con đẻ)      |
| 8.7      | Vũ Hạo<br>Anh                   |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Vũ Thắng<br>Bình(Con đẻ)      |
| 8.8      | Vũ Thị<br>Thúy<br>Minh          |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Vũ Thắng<br>Bình(Chị ruột)    |
| 8.9      | Quách<br>Thạch<br>Thị           |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Vũ Thắng<br>Bình(Anh rể)      |
| <b>9</b> | <b>Nguyễn<br/>Ngọc<br/>Tuấn</b> |  | <b>Trưởng<br/>BKS</b>                         |  |  | <b>0</b> | <b>0,000%</b> | <b>Người nội bộ</b>                          |
| 9.1      | Nguyễn<br>Ngọc<br>Khâm          |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Nguyễn Ngọc<br>Tuấn(Bố đẻ)    |
| 9.2      | Nguyễn<br>Thị Nga               |  |                                               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Nguyễn Ngọc                   |

|      |                               |  |               |  |  |          |               |                                              |
|------|-------------------------------|--|---------------|--|--|----------|---------------|----------------------------------------------|
|      |                               |  |               |  |  |          |               | Tuấn(Mẹ đẻ)                                  |
| 9.3  | Đào Cẩm Vân                   |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(Vợ)             |
| 9.4  | Nguyễn Thị Ngọc Tú            |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(Em gái)         |
| 9.5  | Nguyễn Ngọc Trang Ngân        |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(Con đẻ)         |
| 9.6  | Nguyễn Ngọc Ngân Giang        |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(Con đẻ)         |
| 9.7  | Đào Quang Tuấn                |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(Bố vợ)          |
| 9.8  | Vũ Thị Hòa                    |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(Mẹ Vợ)          |
| 9.9  | Đào Minh Tuấn                 |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Ngọc Tuấn(Em rể)          |
| 10   | <b>Nguyễn Thị Lương Thanh</b> |  | <b>TV BKS</b> |  |  | <b>0</b> | <b>0,000%</b> | <b>Người nội bộ</b>                          |
| 10.1 | Dư Ngọc Bình                  |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Bà Nguyễn Thị Lương Thanh (Chồng)    |
| 10.2 | Dư Nguyễn Ngọc Minh           |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Bà Nguyễn Thị Lương Thanh (Con đẻ)   |
| 10.3 | Dư Nhật Thành                 |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Bà Nguyễn Thị Lương Thanh (Con đẻ)   |
| 10.4 | Nguyễn Đắc Điền               |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Bà Nguyễn Thị Lương Thanh (Bố đẻ)    |
| 10.5 | Lương Thị Thanh Thủy          |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Bà Nguyễn Thị Lương Thanh (Mẹ đẻ)    |
| 10.6 | Đặng Thị Nụ                   |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Bà Nguyễn Thị Lương Thanh (Mẹ chồng) |
| 10.7 | Nguyễn Lương                  |  |               |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Bà Nguyễn Thị                        |

|      |                                                               |  |                     |  |  |              |                |                                                              |
|------|---------------------------------------------------------------|--|---------------------|--|--|--------------|----------------|--------------------------------------------------------------|
|      | Đức                                                           |  |                     |  |  |              |                | Lương Thanh<br>(Anh ruột)                                    |
| 10.8 | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước                |  |                     |  |  | 2938140      | 23,310%        | NLQ đến Bà Nguyễn Thị Lương Thanh (chuyên viên ban đầu tư 2) |
| 10.9 | Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước – Công ty TNHH |  |                     |  |  | 2938140      | 23,310%        | NLQ đến Bà Nguyễn Thị Lương Thanh (chuyên viên ban đầu tư 2) |
| 11   | <b>Nguyễn Hữu Trọng</b>                                       |  | <b>TV BKS</b>       |  |  | <b>100</b>   | <b>0,0007%</b> | <b>Người nội bộ</b>                                          |
| 11.1 | Trần Thị Thường                                               |  |                     |  |  | 0            | 0,000%         | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng(Mẹ đẻ)                          |
| 11.2 | Nguyễn Hữu Tùng                                               |  |                     |  |  | 0            | 0,000%         | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng(Em Trai)                        |
| 11.3 | Ma Thị Hương                                                  |  |                     |  |  | 0            | 0,000%         | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng(Vợ)                             |
| 11.4 | Nguyễn Hữu Kỳ Anh                                             |  |                     |  |  | 0            | 0,000%         | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng(Con đẻ)                         |
| 11.5 | Nguyễn Thủy Chi                                               |  |                     |  |  | 0            | 0,000%         | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng(Con đẻ)                         |
| 11.6 | Tào Thị Trà My                                                |  |                     |  |  | 0            | 0,000%         | NLQ đến Ông Nguyễn Hữu Trọng(Em Dâu)                         |
| 12   | <b>Trịnh Ngọc Hiếu</b>                                        |  | <b>Phó Giám đốc</b> |  |  | <b>84400</b> | <b>0,67%</b>   | <b>Người nội bộ</b>                                          |
| 12.1 | Vũ Thị Vui                                                    |  | Phó phòng KHKT      |  |  | 6100         | 0,048%         | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Vợ)                              |
| 12.2 | Trịnh Ngọc Tuấn                                               |  |                     |  |  | 0            | 0,000%         | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Con đẻ)                          |
| 12.3 | Trịnh Ngọc Nghĩa                                              |  |                     |  |  | 0            | 0,000%         | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Con đẻ)                          |
| 12.4 | Vũ Hồng Quang                                                 |  |                     |  |  | 0            | 0,000%         | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Bố vợ)                           |
| 12.5 | Đặng Thị Tươi                                                 |  |                     |  |  | 0            | 0,000%         | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc                                       |

|           |                        |  |                     |  |  |          |               |                                        |
|-----------|------------------------|--|---------------------|--|--|----------|---------------|----------------------------------------|
|           |                        |  |                     |  |  |          |               | Hiếu(Mẹ vợ)                            |
| 12.6      | Trịnh Thị Thảo         |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Chị ruột)  |
| 12.7      | Trịnh Thị Chung        |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Em ruột)   |
| 12.8      | Trịnh Thị Vân          |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Em ruột)   |
| 12.9      | Trịnh Ngọc Nam         |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Em ruột)   |
| 12.10     | Phùng Hải Lý           |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Anh rể)    |
| 12.11     | Lê Hữu Nam             |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Em rể)     |
| 12.12     | Nguyễn Việt Hùng       |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Em rể)     |
| 12.13     | Bùi Minh Nguyệt        |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Trịnh Ngọc Hiếu(Em dâu)    |
| <b>13</b> | <b>Nguyễn Khắc Tha</b> |  | <b>Phó Giám đốc</b> |  |  | <b>0</b> | <b>0,000%</b> | <b>Người nội bộ</b>                    |
| 13.1      | Lưu Thị Phồn           |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Mẹ đẻ)    |
| 13.2      | Đinh Thị Phương        |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Mẹ vợ)    |
| 13.3      | Nguyễn Thị Nguyệt Hoa  |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Vợ)       |
| 13.4      | Nguyễn Diệu Anh        |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Con đẻ)   |
| 13.5      | Nguyễn Ngọc Khánh      |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Con đẻ)   |
| 13.6      | Nguyễn Ngọc Diệp       |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Con đẻ)   |
| 13.7      | Nguyễn Khắc Thận       |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Anh trai) |
| 13.8      | Nguyễn Thị Thán        |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Chị gái)  |
| 13.9      | Nguyễn Khắc Thứ        |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông Nguyễn Khắc Tha (Anh trai) |
| 13.10     | Nguyễn                 |  |                     |  |  | 0        | 0,000%        | NLQ đến Ông                            |

|           |                               |  |                                                     |  |  |             |               |                                             |
|-----------|-------------------------------|--|-----------------------------------------------------|--|--|-------------|---------------|---------------------------------------------|
|           | Thị Ngát                      |  |                                                     |  |  |             |               | Nguyễn Khắc<br>Tha (Chị dâu)                |
| 13.11     | Lương<br>Thị Duy              |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Nguyễn Khắc<br>Tha (Chị dâu) |
| 13.12     | Trần<br>Minh<br>Phụng         |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Nguyễn Khắc<br>Tha (Anh rể)  |
| <b>14</b> | <b>Hoàng<br/>Lê<br/>Khanh</b> |  | <b>Kế toán<br/>trưởng</b>                           |  |  | <b>2700</b> | <b>0,021%</b> | <b>Người nội bộ</b>                         |
| 14.1      | Phạm<br>Thị Thìn              |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Bà<br>Hoàng Lê<br>Khanh(Mẹ đẻ)      |
| 14.2      | Hoàng<br>Mai Thu              |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Bà<br>Hoàng Lê<br>Khanh(Chị gái)    |
| 14.3      | Hoàng<br>Thị Thúy             |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Bà<br>Hoàng Lê<br>Khanh(Chị gái)    |
| 14.4      | Nguyễn<br>Duy<br>Quang        |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Bà<br>Hoàng Lê<br>Khanh(Anh rể)     |
| 14.5      | Phan Sỹ<br>Thời               |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Bà<br>Hoàng Lê<br>Khanh(Anh rể)     |
| 14.6      | Phạm<br>Hoàng<br>Gia Linh     |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Bà<br>Hoàng Lê<br>Khanh(Con đẻ)     |
| 14.7      | Phạm<br>Hoàng<br>Linh Đan     |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Bà<br>Hoàng Lê<br>Khanh(Con đẻ)     |
| <b>15</b> | <b>Đào<br/>Minh<br/>Tân</b>   |  | <b>Người<br/>phụ trách<br/>quản trị<br/>công ty</b> |  |  | <b>0</b>    | <b>0,000%</b> | <b>Người nội bộ</b>                         |
| 15.1      | Đào<br>Xuân<br>Tuất           |  |                                                     |  |  | 200         | 0,0015%       | NLQ đến Ông<br>Đào Minh<br>Tân(Bố đẻ)       |
| 15.2      | Phan Thị<br>Hồng              |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Đào Minh<br>Tân(Mẹ đẻ)       |
| 15.3      | Nguyễn<br>Phùng<br>Hiếu       |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Đào Minh<br>Tân(Bố vợ)       |
| 15.4      | Nguyễn<br>Thị Hợp             |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Đào Minh<br>Tân(Mẹ vợ)       |
| 15.5      | Nguyễn<br>Thị Mỹ<br>Phương    |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Đào Minh<br>Tân(Vợ)          |
| 15.6      | Đào<br>Minh<br>Trang          |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Đào Minh<br>Tân(Em gái)      |
| 15.7      | Lưu<br>Hoàng<br>Phúc          |  |                                                     |  |  | 0           | 0,000%        | NLQ đến Ông<br>Đào Minh<br>Tân(Em rể)       |